TAND HUYỆN ĐỊNH HÓA **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 23/7/2019.
"*Về việc ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HOÁ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Th1 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Thiện Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Triệu Đình Giáp;

2. Bà Mai Thị Cẩm Hoa

- Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Diễm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Định hoá, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái nguyên tham gia phiên tòa: Ông Định Ngọc Vĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2019, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXX-ST ngày 09 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: Thôn YT, xã BY, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Anh Lưu Xuân Th1, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Thôn Th1 1, xã SP, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình tố tụng giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Th trình bày:

Chị và anh Th1 chung sống với nhau và tổ chức lễ cưới vào ngày 22/5/1990 (âm lịch) nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật do khi đó chị và anh đều chưa đủ tuổi kết hôn, sau đó thì do bận công việc gia đình, đi làm ăn xa nhà, con hay ốm đau nên không đi đăng ký kết hôn vì vậy đến nay vợ chồng sống chung với nhau cũng không có đăng ký kết hôn.

Về cuộc sống gia đình, tình cảm vợ chồng, trước khi tổ chức lễ cưới anh chị được tìm hiểu trên cơ sở tự nguyên, được hai bên gia đình đồng ý và tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi tổ chức lễ cưới chị Th về nhà anh Th1 làm dâu ngay và chung sống cùng gia đình nhà chồng được khoảng ba năm thì được bố mẹ chồng cho ra ở riêng trên đất của bố mẹ chồng cho. Cuộc sống vợ chồng những năm đầu hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2009 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do trong cách ăn ở, sinh hoạt, kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn, con cái bệnh tật, nhưng anh Th1 lại không chịu làm ăn mà thường xuyên chơi bời, rượu chè nên vợ chồng liên tục sảy ra cãi vã, xúc phạm nhau, anh Th1 đánh chị nhiều lần, chị đã phải bỏ vào Miền Nam làm ăn, chị đi được một tháng thì anh Th1 ở nhà cưới người phụ nữ khác sau vài tháng thì anh Th1 chia tay, 2010 vợ chồng lại quay lại chung sống và cùng nhau vào Miền Nam làm ăn, nhưng anh Th1 vẫn không thay đổi tính nết vẫn hay đánh chị đến năm 2016 vợ chồng lại sống ly thân, năm 2017 vợ chồng lại quay lại chung sống nhưng anh Th1 vẫn lại thường xuyên đánh chị, vì vậy tháng 6/2018 vợ chồng sống ly thân, chị về ở nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị cương quyết xin ly hôn anh Th1. Việc chị và anh Th1 sống chung từ năm 1990 mà không đăng ký kết hôn tùy Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là cháu Lưu Thị Nh, sinh ngày 03/10/1991, Lưu Thị S, sinh ngày 06/10/1994 và Lưu Xuân Đ, sinh ngày 22/3/1998, cháu S đã mất năm 2004 do bệnh tật, cháu Đ cũng đã mất năm 2015 do tai nạn giao thông, cháu Nh đã trưởng Th1, hoàn toàn khỏe mạnh bình thường, lao động tự túc được, đã xây dựng gia đình riêng. Ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, khoản có cho vay chung, khoản nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng: Chị Th xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

** Về phía bị đơn trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa ngày hôm nay anh Lưu Xuân Th1 trình bày:*

- Về thời gian vợ chồng chung sống, tổ chức lễ cưới, thời gian sống ly thân anh Th1 xác định như chị Th trình bày là đúng, anh không có gì phải bổ sung thêm. Vợ chồng mâu thuẫn cùng là do trong ăn ở sinh hoạt và nuôi dạy con cái, con cái bệnh tật, kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn nên vợ chồng liên tục sảy ra cãi vã, xúc phạm nhau và nhiều lần sảy ra xô sát. Vợ chồng đã nhiều lần sống ly thân sau đó vì thương con cái nên lại quay lại đoàn tụ nhưng khi vợ chồng về đoàn tụ thì vẫn liên tục sảy ra cãi vã, đến tháng 6/2018 chính thức sống ly thân và không còn quan tâm, liên lạc gì đến nhau nữa. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay anh Th1 xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Th

xin ly hôn anh đồng ý. Tuy nhiên anh và chị Th chung sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1990 nhưng đến nay cũng không có đăng ký kết hôn, không đi đăng ký kết hôn ở bất kỳ đâu, lý do là bận công việc rồi dần dần không đi đăng ký kết hôn nữa chứ không có lý do nào khác. Tùy Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Anh Th1 xác định vợ chồng có ba con chung là Lưu Thị Nh, sinh ngày 03/10/1991, Lưu Thị S, sinh ngày 06/10/1994 và Lưu Xuân Đ, sinh ngày 22/3/1998, hiện nay Nh đã trưởng Th1, hoàn toàn khỏe mạnh bình thường, lao động tự túc được, đã xây dựng gia đình riêng, cháu S đã mất năm 2004 do bệnh tật, cháu Đ cũng đã mất năm 2015 do tai nạn giao thông. Ly hôn anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung, khoản có cho vay chung, khoản nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng: Anh Th1 xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trước khi chuyển sang phần nghị án, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ xác định: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, việc cấp giao tống đạt văn bản tố tụng, việc xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ, thủ tục tố tụng, thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự đảm bảo đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Lưu Xuân Th1. Về con chung đã trưởng Th1; Về tài sản chung, khoản có cho vay chung, khoản nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng không có, vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí dân sự sơ thẩm chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ theo quy định của pháp luật, tiến hành hòa giải vợ chồng về đoàn tụ nhưng không Th1. Vì vậy vụ án được đưa ra xét xử công khai ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

- *Về tố tụng:*

Đây là vụ án ly hôn mà bị đơn cư trú tại thôn Th1 1, xã SP, huyện

Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ bằng biện pháp lấy lời khai của đương sự, xác minh. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày hôm nay có sự tham gia của Viện kiểm sát nhân dân theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

- Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Th và anh Lưu Xuân Th1 chung sống chung với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương nhưng chị Th, anh Th1 đều thừa nhận là không đi đăng ký kết hôn, đến nay cũng không có đăng ký kết hôn. Xác minh tại UBND xã SP và UBND xã BY nơi cư trú, nơi có thẩm quyền đăng ký kết hôn cho chị Th, anh Th1 vào thời điểm vợ chồng chung sống năm 1990 cũng không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Vì vậy chị Th, anh Th1 chung sống từ năm 1990 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Do vậy không được pháp luật thừa nhận là hôn nhân hợp pháp.

- Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Th nhận thấy rằng: Từ năm 2009 trong ăn ở sinh hoạt hàng ngày giữa chị Th, anh Th1 đã luôn sảy ra mâu thuẫn, cãi vã, có xô sát nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung, đã nhiều lần sống ly thân. Chị Th cho rằng anh Th1 không chịu làm ăn mà thường xuyên, rượu chè nên vợ chồng liên tục sảy ra cãi vã, xúc phạm nhau và có sảy ra xô sát, anh Th1 cho rằng do con cái bệnh tật, kinh tế gia đình nhiều khó khăn nên vợ chồng liên tục sảy ra cãi vã, xúc phạm nhau và nhiều lần sảy ra xô sát, đến tháng 6/2018 chính thức sống ly thân và không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau nữa, giữa hai vợ chồng đã không tìm được tiếng nói chung, ai cũng tìm công việc, cuộc sống riêng cho mình, ai cũng có lý do riêng về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn, dẫn đến việc chị Th xin ly hôn. Trong quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không Th1, đã giành nhiều thời gian cho vợ chồng chia sẻ để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của chị Th là, đúng thực tế. Tuy nhiên anh, chị chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đến nay cũng không có đăng ký kêt hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, chị Th không rút đơn xin ly hôn mà cương quyết xin được ly hôn anh Th1. Căn cứ vào Điều 9; Điều 14; Điều 51 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Th và anh Th1.

- Về con chung: Chị Th, anh Th1 có ba con chung là cháu Lưu Thị Nh, sinh ngày 03/10/1991, Lưu Thị S, sinh ngày 06/10/1994 và Lưu Xuân Đ, sinh ngày 22/3/1998, cháu S đã mất năm 2004, cháu Đạt cũng đã mất năm 2015, cháu Nhđã trưởng Th1, hoàn toàn khỏe mạnh bình thường, lao động tự túc được, đã xây dựng gia đình riêng. Vì vậy, không đặt ra xem xét, giải quyết về

việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, khoản có cho vay chung, khoản nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng: Chị Nguyễn Thị Th và anh Lưu Xuân Th1 đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Vì vậy, không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Khoản 2, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 51, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Lưu Xuân Th1.

2. Về con chung: Cháu Lưu Thị Nhung, sinh ngày 03/10/1991 đã trưởng Th1, khỏe mạnh bình thường lao động tự túc được, đã có gia đình giêng. Vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết về việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, khoản có cho vay chung, khoản nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng: Chị Nguyễn Thị Th và anh Lưu Xuân Th1 đều xác định không có. Vì vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008610 ngày 19/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Chị Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, bị đơn; báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Định Hoá (2 bản);
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã SP;
- Các đương sự;
- lưu Hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thiện Hoàng